

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 07 – 2019

(V/việc không công nhận vợ chồng)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 464/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 446/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị S, sinh năm 1982.

Địa chỉ nơi cư trú: ấp T, xã L, TpC, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký HKTT: ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã L, TpC, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

- Về hôn nhân: Chị S trình bày, chị và anh Trần Văn S chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2010, không có đăng ký kết hôn. Chị S xác định trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Ý kiến của anh S: Anh S trình bày, anh và chị S chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2010, không có đăng ký kết hôn. Anh S xác định trong quá trình chung sống thì vợ chồng không có mâu thuẫn nên anh không đồng ý ly hôn với chị S.

- Về con chung: Chị S xác định có 02 con chung tên Trần Lê Duy T sinh ngày 22/5/2011 và Trần Lê Gia N sinh ngày 17/6/2013 hiện đang sống chung với anh chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của anh S: Anh S xác định có 02 con chung tên Trần Lê Duy T sinh ngày 22/5/2011 và Trần Lê Gia N sinh ngày 17/6/2013 hiện đang sống chung với anh

chị. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh thì anh yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu chị S cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị S xác định có nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của anh S: Anh S xác định có nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Chị S xác định không có.

Ý kiến của anh S: Anh S xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị S về việc xin ly hôn với anh S thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh S là bị đơn chỗ ở hiện nay tại ấp T, xã L, TpC nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị S và anh S xác định chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2010, không có đăng ký kết hôn. Chị S xác định trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn, còn anh S xác định quá trình chung sống thì vợ chồng không có mâu thuẫn nên anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy, trường hợp của chị S và anh S sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký và chị S đã có yêu cầu ly hôn, mặc dù anh S không đồng ý. Nhưng theo quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình trong trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, khi có yêu cầu ly hôn, chấm dứt hôn nhân thì Tòa án thụ lý, giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, cần tuyên bố về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị S và anh S.

[3] Về con chung: Chị S và anh S xác định có 02 con chung tên Trần Lê Duy T sinh ngày 22/5/2011 và Trần Lê Gia N sinh ngày 17/6/2013 hiện đang sống chung với anh chị. Khi ly hôn cả hai đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng.

Xét về yêu cầu nuôi con của anh S và chị S: Hiện tại cháu T và cháu N đang chung sống với chị S có cuộc sống ổn định, theo nguyện vọng của cháu T mong muốn sống cùng với chị S vì từ nhỏ do chị S chăm sóc tốt hơn anh S; còn cháu N hiện được 06 tuổi (con gái) còn nhỏ nên nhu cầu được người mẹ chăm sóc nhiều hơn và cùng sống với chị S từ nhỏ. Đối với anh S làm nghề biển, thường xuyên đi không ở nhà, mỗi chuyến đi vài tháng nên giao con cho anh S nuôi sẽ ảnh hưởng

đến cuộc sống của các cháu và trái với nguyện vọng của các cháu (rất bất tiện khi anh S đi làm). Vì vậy, để đảm bảo việc chăm sóc cho cháu T và cháu N cần giao cho chị S là người trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp khi anh S có đủ điều kiện nuôi các cháu tốt hơn chị S thì có thể làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con sau ly hôn thành vụ kiện khác.

Vấn đề cấp dưỡng chị S là người trực tiếp nuôi con không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị S và anh S xác định có nhưng để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị S và anh S xác định không có.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị S nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị S và anh Trần Văn S.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Lê Duy T sinh ngày 22/5/2011 và Trần Lê Gia N sinh ngày 17/6/2013 (hiện đang sống chung với chị S tại ấp T, xã L, Tp C) cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng chị S là người trực tiếp nuôi con không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh S không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị S và anh S xác định có nhưng để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị S và anh S xác định không có.

Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình sơ thẩm Lê Thị S nộp 300.000đ. Vào ngày 28 tháng 5 năm 2019, chị S đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0000176 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ sung ngân sách nhà nước, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Diệp Chí Nguyễn